TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08 / 8 / 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Vĩnh Thành;

2. Ông Huỳnh Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng –Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 2 năm 2018 về "*tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968, nơi cư trú: Số N, tổ V, khóm C, phường K, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1967, nơi cư trú: Số N, tổ V, khóm C, phường K, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn T có mặt; bà Lê Thị Hồng H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T và bà H do mai mối nên đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường K, thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, bà H nhiều lần gây nợ cho gia đình nên

tình cảm vợ chồng rạn nứt, hôn nhân không H phúc và không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H vẫn không đến Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày tại giai đoạn chuẩn bị xét xử. Đồng thời, ông T cho biết bà H đã bỏ nhà đi từ năm 2016 nên vợ chồng không còn sống chung cho đến nay.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H chung sống với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc) là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông T trình bày nguyên nhân ông T xin ly hôn với bà H là do nhiều lần bà H gây nợ cho gia đình nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, ông T xin ly hôn với bà H. Bà H biết được ông T xin ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải theo Thông báo của Tòa án. Điều đó thấy rằng bà H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Hồng H. Đồng thời, bà H có nơi cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Thị Hồng H, mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[3] Đối với quan hệ hôn nhân, ông T và bà H chung sống với nhau từ năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang vào ngày 17/6/2005, giấy chứng nhận kết hôn số 115/HT, quyển số 01/2005 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo ông T trình bày nguyên nhân ông T yêu cầu ly hôn với bà H do bà H nhiều lần gây nợ cho gia đình nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Đồng thời, vào năm 2016 bà H đã bỏ nhà đi nên vợ chồng không còn sống chung cho đến nay.

Theo biên bản xác minh ngày 24/5/2018 do Công an phường Châu Phú A cung cấp và biên bản xác minh ngày 25/6/2018 do Văn phòng khóm Châu T, phường Châu Phú A cung cấp thể hiện bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 58/52, tổ 28, khóm Châu T, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang nhưng vào khoảng năm 2016 bà H đã bỏ địa phương đi cho đến nay, đồng thời không rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà H nhưng từ khi bà H bỏ đi thì vợ chồng không còn sống chung cho đến nay.

Từ những căn cứ trên, xét thấy vợ chồng phải cùng có nghĩa vụ và trách nhiệm yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa ông T, bà H xảy ra từ năm 2014 và đến năm 2016 vợ chồng sống xa cách, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, hôn nhân của ông T, bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà H.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung, ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông T đã nộp. Bà H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Hồng H.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0015082 ngày 21 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; ông T đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị Hồng H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Hồng H là 15 ngày vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiền